

Số: /NQ-HĐND

Diễn Châu, ngày tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn quyết toán ngân sách xã năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ DIỄN CHÂU
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025; Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Diễn Châu khóa I, kỳ họp thứ 2 về việc Quyết định dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn; chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương 6 tháng cuối năm 2025;

Theo Tờ trình số 74/TTr.UBND ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Diễn Châu về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách xã năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách xã Diễn Châu năm 2025 với những nội dung như sau:

(Đơn vị tính: Đồng)

Nội dung kinh tế	Thu NSNN trên địa bàn	Ngân sách xã hưởng
A. TỔNG THU	501.314.172.329	438.851.613.861
I. Tổng thu NSNN trên địa bàn	96.387.884.764	34.136.267.296
1. Thu từ DNNN do địa phương QL	172.671.444	
2. Thuế CTNDV- NQD	22.101.958.059	5.977.730.983
3. Thuế thu nhập cá nhân	12.580.307.342	2.992.824.630

Nội dung kinh tế	Thu NSNN trên địa bàn	Ngân sách xã hưởng
4. Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	38.633.450.065	19.438.277.329
5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.026.744.543	2.026.744.543
6. Phí, lệ phí	1.356.388.921	714.696.480
7. Tiền thuê đất	785.164.464	1.426.472
8. Lệ phí trước bạ	16.653.723.244	2.187.352.676
9. Thu khác ngân sách	1.967.875.673	694.745.530
10. Thu hoa lợi công sản	102.468.653	102.468.653
11. Thu cấp quyền khai thác tài nguyên khác	7.132.356	1.426.472
II. Thu chuyển giao giữa các cấp NS	395.177.655.964	394.966.714.964
1. Thu bổ sung cân đối	191.343.763.119	191.343.763.119
2. Thu bổ sung có mục tiêu	203.622.951.845	203.622.951.845
3. Thu NS cấp dưới nộp lên	210.941.000	
III. Thu chuyển nguồn	9.748.631.601	9.748.631.601
B. TỔNG CHI		438.851.613.861
I. Chi đầu tư phát triển		100.798.967.286
II. Chi thường xuyên		312.941.914.808
1. Chi Quốc phòng - An ninh		5.502.984.748
2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo		159.324.299.974
3. Chi sự nghiệp y tế, dân số		438.275.880
4. Chi sự nghiệp VH TT, TDTT, PTTT		5.964.179.346
5. Chi sự nghiệp Kinh tế, môi trường		4.828.227.520
6. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể.		108.544.418.180
7. Chi đảm bảo xã hội		28.339.529.160
8. Chi khác		
III. Chi chuyển nguồn		24.878.710.767
IV. Chi nộp ngân sách cấp trên		232.021.000

(Chi tiết đính kèm theo Phụ biểu số 01/QT2025; Phụ biểu số 02/QT2025 và Phụ biểu số 03/QT2025)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã căn cứ nội dung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã tổ chức thực hiện; Thực hiện công khai quyết toán ngân sách xã năm 2025 theo quy định hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Diễn Châu khóa II, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã;
- Các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp xã;
- Kho bạc NN Khu vực XI- PDG số 17;
- Các cơ quan liên quan;
- Các khối, xóm;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Hà Xuân Quang**